

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	4
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	5
1.1 Tên chủ dự án đầu tư.....	5
1.2 Tên dự án đầu tư.....	5
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	5
1.3.1 Công suất của dự án đầu tư.....	5
1.3.2 Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	5
1.3.3 Sản phẩm của dự án đầu tư.....	7
1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư.....	7
1.5 Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở.....	10
1.5.1 Vị trí địa lý.....	10
1.5.2 Hạng mục công trình cơ sở.....	12
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	14
2.1 Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	14
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.....	14
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	15
3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa.....	15
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	15
3.1.3 Xử lý nước thải.....	17
3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	23
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	23
3.4. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	23
3.5 Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh, thay đổi so với Đề án Bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.....	24

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	26
4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	26
4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải. (không có).....	26
4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung. (không có).....	26
CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	27
5.1 Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện	27
5.1.1 Kết quả đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải	27
5.1.2 Kết quả quan trắc nước thải	29
5.2 Chương trình quan trắc chất thải	38
5.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	38
5.2.2 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	38
CHƯƠNG 6. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	39

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
MT	Môi trường
NT	Nước thải
NTSH	Nước thải sinh hoạt
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
STNMT	Sở Tài nguyên Môi trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TN&MT	Tài nguyên & Môi trường
TT-BTNMT	Thông tư – Bộ Tài nguyên môi trường
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1 Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại Cơ sở chăn nuôi.....	8
Bảng 1.2 Nhu cầu thức ăn chăn nuôi tại Cơ sở chăn nuôi.....	8
Bảng 1.3 Danh mục thuốc thú y	9
Bảng 1.4 Nhu cầu sử dụng nước tại Cơ sở chăn nuôi.....	9
Bảng 1.5 Các hạng mục công trình của Cơ sở.....	12
Bảng 3.1 Cân bằng nước dự kiến trong quá trình vận hành dự án	15
Bảng 3.2 Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của trang trại	16
Bảng 3.3 Thông số xử lý các bể trong HTXLNT	19
Bảng 3.4 Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với ĐTM	24
Bảng 5.1 Thông tin quá trình lấy mẫu	27
Bảng 5.2 Thiết bị phân tích mẫu phòng thí nghiệm.....	28
Bảng 5.3 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể điều hòa	29
Bảng 5.4 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể thiếu khí.....	31
Bảng 5.5 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể hiếu khí	32
Bảng 5.6 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể lắng	33
Bảng 5.7 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể khử trùng	34
Bảng 5.8 Dự kiến kinh phí quan trắc nước thải hàng năm	38

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1 Sơ đồ quy trình chăn nuôi của trang trại.....	6
Hình 1.2 Vị trí dự án	11
Hình 3.1 Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở	16
Hình 3.2 Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi	18

CHƯƠNG 1.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1 Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Lê Văn Dư
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại: 0256 3633040
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100616618, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 27/12/2021.

1.2 Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi (*Gọi tắt là Dự án*)
- Địa chỉ thực hiện dự án đầu tư: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần
 - + Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án: Số 2494/QĐ-UBND ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh Bình Định.
 - + Thông báo số 2956/STNMT-CCBVMT ngày 19/11/2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm Dự án nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư
- Quy mô của dự án đầu tư: thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công (Phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ).

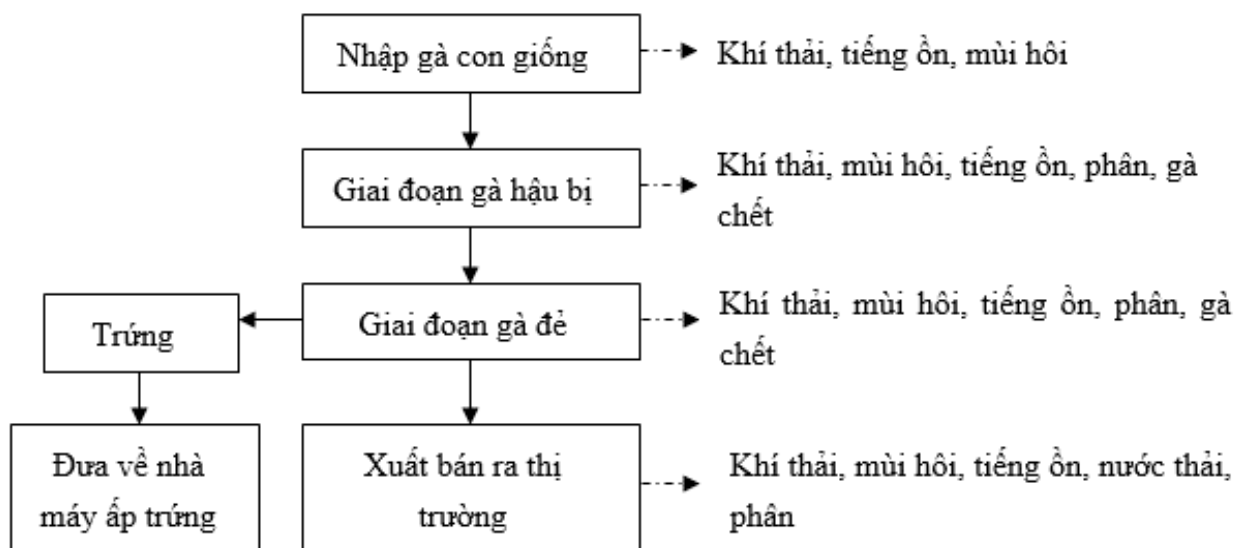
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1 Công suất của dự án đầu tư

Xây dựng 4 khu chăn nuôi gà giống bố mẹ công nghệ cao khép kín với quy mô 32 chuồng với 416.000 gà giống bố mẹ /lần nuôi.

1.3.2 Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Quy trình chăn nuôi trang trại như sau:



Hình 1.1 Sơ đồ quy trình chăn nuôi của trang trại

Thuyết minh:

Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất của Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư tại thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, Bình Định được áp dụng công nghệ chăn nuôi hiện đại nhất.

- *Nhập gà con giống*: Công ty nhập gà con giống từ các trang trại của công ty đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.
- *Giai đoạn gà hậu bị*: Gà giống sau khi nhập về được đưa vào chuồng nuôi. Tại đây gà hậu bị được nuôi từ 1 ngày tuổi đến 18 - 20 tuần tuổi phải đảm bảo khỏe mạnh, đồng đều và tiêm phòng tốt. Đồng thời, giai đoạn này gà hậu bị phải đạt trọng lượng theo tiêu chuẩn giống.
- *Giai đoạn gà đẻ*: Bắt đầu từ 20 - 72 tuần tuổi. Thường xuyên kiểm soát khả năng sinh sản, chế độ chiếu sáng và tiêu thụ thức ăn của gà nhằm nâng cao khả năng sinh sản của gà. Số trứng được tạo ra sẽ được thu gom và đưa về kho bảo quản trứng trước khi đưa đến nhà máy ấp của Công ty.
- Gà bố mẹ sau 72 tuần tuổi sẽ được xuất bán ra thị trường trong và ngoài tỉnh.

❖ Phương thức nuôi dưỡng, chăm sóc đàn gà:

Với việc đầu tư hệ thống chuồng trại theo công nghệ mới, hoàn toàn khép kín, áp dụng hình thức nuôi công nghiệp nên các thao tác ăn, uống được tự động hóa toàn bộ, đảm bảo thức ăn, nước uống chất lượng và đầy đủ.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Gà được cho ăn bằng cám viên hình thức khô qua hệ thống máng ăn tự động (được đưa lên các tháp cao dạng silô tự điều chỉnh theo hệ thống dẫn tới tất cả máng ăn, khi đến giờ cho gà ăn thức ăn sẽ tự động chảy ra). Với việc cho ăn như vậy không chỉ tiết kiệm được thức ăn, nhân công mà còn hạn chế tối đa thức ăn bị rơi vãi ra nền chuồng nên sẽ không gây bẩn và ô nhiễm chuồng nuôi. Thức ăn cung cấp cho gà được công ty lựa chọn phải đảm bảo chất lượng, không sử dụng hoocmon, chất kháng sinh đã cấm sử dụng. Đồng thời, tùy thuộc vào từng độ tuổi, số lượng gà mà Công ty tính toán khối lượng, loại thức ăn có hàm lượng dinh dưỡng phù hợp.

Công ty lắp đặt hệ thống uống tự động. Khi gà muốn uống nước sẽ đưa miệng vào núm uống và nước tự động chảy ra. Hệ thống này được bố trí cao hơn so với chiều cao của gà để hạn chế việc gà phá nước khi không có nhu cầu uống nước. Bên dưới mỗi núm uống sẽ bố trí chén thu nước bị rơi khi gà uống. Tuy nhiên, xác suất nước rơi vãi rất ít và nếu có thì những con gà khác sẽ uống ngay. Với thiết kế này, chuồng trại luôn đảm bảo khô ráo và không phát sinh mùi hôi.

Nền chuồng được bố trí một lớp trấu dày 20 cm làm lớp đệm cho gà đứng. Ngoài ra, phân gà tạo ra sẽ nặng hơn trấu nên lượng phân này sẽ được trộn lẫn với trấu và nằm dưới lớp đáy của trấu. Sau một thời gian, lượng phân này sinh nhiệt và bắt đầu phân hủy. Cứ tiếp tục như thế với lượng phân tiếp theo.

Chế độ chiếu sáng cho gà rất quan trọng, Công ty đã sử dụng ánh sáng nhân tạo và đầu tư hệ thống chiếu sáng hoàn toàn tự động điều chỉnh cường độ chiếu sáng. Để tạo điều kiện tốt nhất cho gà phát triển, trang bị đầy đủ các thiết bị như: thông gió và làm mát tự động. Bộ điều khiển sẽ tự động kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm, CO₂ và áp suất qua cảm biến trong mỗi chuồng nuôi.

1.3.3 Sản phẩm của dự án đầu tư

Nuôi gà bố mẹ để đẻ trứng số lượng 416.000 con/lần nuôi (18 tháng/lần nuôi), cho ra 29,7 triệu gà con thương phẩm 1 ngày tuổi/ năm.

1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

❖ **Nhu cầu nguyên liệu, nhiên vật liệu**

Bảng 1.1 Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại Cơ sở chăn nuôi

Stt	Nguyên, nhiên vật liệu đầu vào	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Gà giống bố mẹ sản xuất	Con	416.000	13.000 con/dãy chuồng
2	Thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn	Kg/ngày	35.156	
3	Thuốc, vắc xin	Đồng/con/năm	8.000	
4	Hóa chất sát trùng	Lit/tuần	16	
5	Dầu DO (cho máy phát điện 500kVA)	lit/giờ	69,2	Chạy 100% tải trọng
6	Trấu	Kg/01 chuồng	369,6	10 kg/50 m ²

Nguồn: Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư

• **Con giống**

Từ những giống gà nội, Công ty đã trải qua trên 30 năm đầu tư, nghiên cứu, chọn tạo đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới. Từ đó tạo ra giống bố mẹ, trứng đưa vào nhà máy sản xuất ra con giống để cung cấp cho cả nước và xuất khẩu. Sản phẩm chính của công ty có 3 bộ giống gà: MD1.BĐ, MD2.BĐ, MD3.BĐ mang thương hiệu gà ta Bình Định.

• **Thức ăn**

Thức ăn sử dụng cho gà là thức ăn công nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, phù hợp với tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của các lứa tuổi của từng loại gà.

Thức ăn được bơm vào Silo tổng sau đó được truyền tải tự động vào hệ thống Silo của từng chuồng nuôi theo số liệu được lập trình và được chuyển tự động vào hệ thống ăn trong chuồng với khối lượng chính xác theo nhu cầu ăn của gà từng giai đoạn.

Lượng thức ăn gà giống trung bình 35 kg/con/năm (khoảng 100 g/con/ngày). Trung bình 1 gà đẻ trong 6 tháng đầu ăn 12 kg thức ăn.

Bảng 1.2 Nhu cầu thức ăn chăn nuôi tại Cơ sở chăn nuôi

TT	Danh mục đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng (con)	Nhu cầu (kg/năm)
1	Thức ăn cho gà đẻ	35 kg/con/1năm	352.000	12.320.000
2	Thức ăn gà loại thải	8 kg trong 4 tháng đầu	64.000	512.000

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

Địa chỉ: 22 Mai Hắc Đế, phường Gành Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 0256.3749590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Tổng		416.000	12.832.000
-------------	--	----------------	-------------------

Nguồn: Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư

• **Thuốc thú y**

Bảng 1.3 Danh mục thuốc thú y

Stt	Loại thuốc	Công dụng
Thuốc kháng sinh		
1	Colistin + Tylosin	Hô hấp, thương hàn, Ecoli
2	Erofloxacin 50%	Thương hàn, Ecoli
3	Vaccin Marek	Phòng bệnh Marek
4	Newcastle	Phòng bệnh gà rù
5	Pox Disease	Phòng và điều trị bệnh đậu gà
6	Totrazuril	Cầu trùng
7	Amprolium	Cầu trùng
8	Thuốc xổ giun sán	Xổ giun sán và phòng bệnh đậu đen
9	Thuốc Gumboro	Điều trị bệnh Gumboro
Vitamin		
1	Muti Vitamin	Tăng sức đề kháng cho gà
2	Vitamin C	
3	Electrolyte	
4	Vitamin K	
5	Đường Glucoza	

Nguồn: Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư

❖ **Nguồn cấp điện, nước của dự án**

- **Nguồn cấp nước**

Chủ dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước gồm: 9 giếng khoan, hệ thống xử lý nước, bể nước ngầm chứa nước đầu vào và thủy đài. Hiện tại, nguồn nước tương đối tốt và ổn định.

Nước được sử dụng cho các hoạt động tại trang trại gồm: sinh hoạt của nhân viên tại trang trại, nước cấp cho hoạt động chăn nuôi. Ngoài ra nguồn nước cấp còn dùng cho mục đích PCCC, tưới đồng cỏ.

Bảng 1.4 Nhu cầu sử dụng nước tại Cơ sở chăn nuôi

STT	Đối tượng phát sinh	Nước cấp (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho gà uống	41,6	
2	Cấp cho sinh hoạt công nhân	8	
3	Cấp cho hệ thống làm mát	200	
4	Nước cấp cho vệ sinh chuồng sau khi xả thịt	1	Lượng nước cấp để vệ sinh là 3 m ³ /chuồng Sau mỗi đợt nuôi 18 tháng mới vệ sinh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

		chuồng trại 01 lần (sau khi xả thịt), 10 ngày vệ sinh 01 chuồng, 03 ngày mới rửa xong 01 chuồng. Như vậy, lượng nước rửa chuồng phát sinh lớn nhất là 01 m ³ /ngày
Tổng	249,6	Ngày không vệ sinh chuồng
	250,6	Ngày vệ sinh chuồng

- *Nguồn cấp điện: do Công ty Điện lực Bình Định cung cấp.*

Điện sinh hoạt, chiếu sáng và sản xuất được lấy từ lưới điện quốc gia do Công ty Điện lực Bình Định cung cấp. Đồng thời, trang trại sử dụng 4 máy phát điện dự phòng với 3 máy công suất liên tục 500 KVA và 1 máy công suất liên tục 250 KVA.

1.5 Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

1.5.1 Vị trí địa lý

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là **299.454 m²** bao gồm Khu chăn nuôi phía Đông và khu chăn nuôi phía Tây:

- Khu vực chăn nuôi phía Đông có diện tích sử dụng là **114.529,6 m²**, thuộc bản đồ số 02 thuộc địa phận thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ranh giới khu đất được xác định như sau:

- + Phía Bắc : giáp đường đất
- + Phía Tây : giáp khu chăn nuôi phía Tây (giai đoạn 2).;
- + Phía Nam : giáp đất trồng lúa
- + Phía Đông : giáp đất trồng rừng sản xuất và nương bê tông.

- Khu chăn nuôi phía Tây có tổng diện tích khoảng **184.924,4 m²** cũng thuộc địa phận thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ranh giới khu đất được xác định như sau:

- + Phía Bắc: giáp đường đất
- + Phía Đông: giáp khu chăn nuôi phía Đông (giai đoạn 1).
- + Phía Nam: giáp nương bê tông
- + Phía Tây: giáp đất ruộng lúa, suối cạn, đường đất và đất trồng rừng sản xuất.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định



Hình 1.2 Vị trí dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

❖ **Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội**

- **Đặc điểm dân cư:** Hiện tại, vị trí dự án nằm cách xa khu dân cư của thôn Bình An 2. Vị trí dự án cách cụm nhà dân gần nhất khoảng 1 km về hướng Đông Nam. Ngoài ra, trong vòng bán kính 1 km từ vị trí dự án không có các công trình văn hóa, khảo cổ, khu di tích lịch sử, khu bảo tồn,...
- **Về giao thông:** phía Bắc dự án có tuyến đường giao thông nông thôn vào khu vực dự án (rộng khoảng 5 m), nên thuận lợi về mặt lưu thông, vận chuyển phục vụ quá trình thi công xây dựng cũng như hoạt động đi lại khi dự án đi vào hoạt động.
- **Hệ thống thủy văn, hải văn:** phía Tây có khe suối cận cách dự án khoảng 20 m, phía Đông có mương nội đồng và phía Nam có mương thủy lợi bê tông.
- **Đặc điểm sinh thái:** Hiện trạng khu đất quy hoạch dự án chủ yếu trồng lúa và trồng cây lâu năm (cây keo). Khu vực này cũng không có các loài động, thực vật quý hiếm cần được bảo vệ. Hệ sinh thái động thực vật tại khu vực dự án rất đơn giản, phù hợp cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án.

1.5.2 Hạng mục công trình cơ sở

Tổng diện tích dự án là: 300.484,8 m².

Các hạng mục chính của Trang trại gồm:

Bảng 1.5 Các hạng mục công trình của Cơ sở

TT	Hạng mục chính	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Các công trình được xây dựng vào năm 2015 và hoàn thành vào năm 2017			
1	Chuồng nuôi gà sinh sản công nghiệp	16	27.383	9,11
2	Nhà văn phòng và sát trùng nhân viên	2	588,24	0,2
3	Nhà ở nhân viên	2	1.140	0,38
4	Nhà bảo vệ	2	107,8	0,036
5	Nhà sát trùng xe ô tô	2	120	0,04
6	Kho dụng cụ	2	360	0,12
7	Kho bảo quản trứng	2	260	0,087
8	Kho trấu	2	1.200	0,4
9	Nhà để xe	2	217,6	0,0725
10	Bể ngâm dụng cụ	2	16	5,3x10 ⁻³
11	Kho xông dụng cụ	2	60	0.02
B	Các công trình được xây dựng vào năm 2018 và hoàn thành vào năm 2019			
1	Chuồng nuôi gà sinh sản công nghiệp	16	29.568	9,84
2	Nhà văn phòng và sát trùng nhân viên	2	588,24	0,2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

3	Nhà ở nhân viên	2	1.140	0,38
4	Nhà bảo vệ	2	107,8	0,036
5	Nhà sát trùng xe ô tô	2	120	0,04
6	Kho dụng cụ	2	360	0,12
7	Kho bảo quản trứng	2	260	0,087
8	Kho trâu	2	1.200	0,4
9	Nhà để xe	2	217,6	0,0725
10	Bể ngâm dụng cụ	2	16	$5,3 \times 10^{-3}$
11	Kho xông dụng cụ	2	60	0.02

Nguồn: Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư

CHƯƠNG 2.

SỰ PHÙ HỢP DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1 Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Dự án phù hợp với chủ trương của UBND tại Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 28/07/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành chăn nuôi tỉnh Bình Định đến năm 2020.
- Khoảng cách của dự án đến các đối tượng xung quanh đảm bảo quy định theo Quy chuẩn QCVN 14:2009/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng nông thôn: “*Các khu vực chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải được quy hoạch với cự ly đảm bảo yêu cầu về khoảng cách ly vệ sinh. Khoảng cách từ nhà ở (chỉ có chức năng ở) tới các khu chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải lớn hơn 200m*”. Đảm bảo khoảng cách theo Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT: “*Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 mét; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 mét. Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50 mét*”.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Theo Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Số 2494/QĐ-UBND ngày 25/07/2018 của UBND tỉnh Bình Định, nước thải sau khi xử lý được thải ra ngoài khu vực dự án theo 02 hướng là suối Cạn phía Tây dự án và mương nội đồng phía Đông dự án.

Khu vực này không nằm trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Mặt khác xung quanh khu vực dự án chưa có các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước mặt tại vị trí xả của Cơ sở.

CHƯƠNG 3.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa

❖ Biện pháp thu gom, thoát nước mưa

Thu gom toàn bộ lượng nước mưa từ mái nhà bằng hệ thống mương dẫn xung quanh các chuồng nuôi, sau đó dẫn về mương thoát nước chung của toàn trang trại có đan chắn và thoát ra hai hướng chính: Khu chăn nuôi phía Đông sẽ được thu gom và dẫn ra mương nội đồng phía Đông dự án, đối với khu chăn nuôi phía Tây nước mưa thu gom sẽ được thoát ra suối Cạn phía Tây của Dự án.

Ngoài ra, một phần nước mưa trên khuôn viên trang trại sẽ chảy tràn ra khu vực xung quanh Dự án và thấm đất.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ Lượng nước thải phát sinh tại trang trại:

Bảng 3.1 Cân bằng nước dự kiến trong quá trình vận hành dự án

STT	Đối tượng phát sinh	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho gà uống	41,6	-	
2	Cấp cho sinh hoạt công nhân	8	6,4	Tiêu chuẩn cấp nước 80 lít/người/ngày. Nước thải sinh hoạt được tính bằng 80% lượng nước cấp
3	Cấp cho hệ thống làm mát	200	-	
4	Nước cấp cho vệ sinh chuồng sau khi xả thịt	1	1	Lượng nước cấp để vệ sinh là 3 m ³ /chuồng Sau mỗi đợt nuôi 18 tháng mới vệ sinh chuồng trại 01 lần (sau khi xả thịt), 10 ngày vệ sinh 01 chuồng, 03 ngày mới rửa xong 01 chuồng. Như vậy, lượng nước rửa chuồng phát sinh lớn nhất là 01 m ³ /ngày
Tổng		249,6	6,4	Ngày không vệ sinh chuồng
		250,6	7,4	Ngày vệ sinh chuồng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

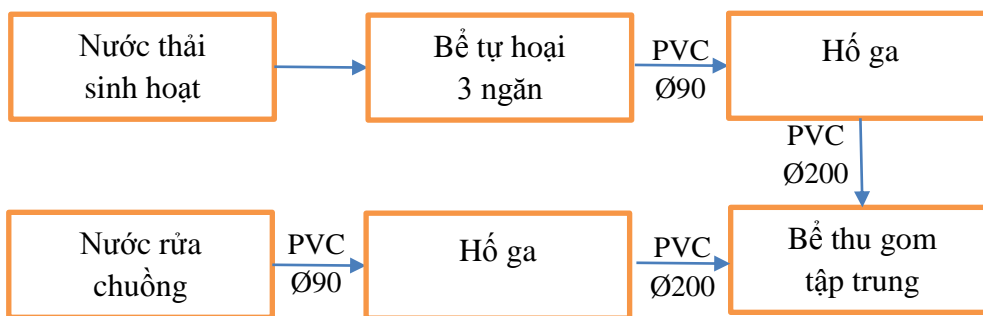
Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Hiện tại, Dự án đã đầu tư 02 hệ thống xử lý nước thải với công suất xử lý của mỗi hệ thống là 10 m³/ngày. Theo tính toán ở bảng trên, lưu lượng nước thải phát sinh tại dự án như sau:

Lưu lượng nước thải phát sinh nhỏ nhất của toàn bộ dự án là 6,4 m³/ngày (ngày không vệ sinh chuồng), như vậy mỗi hệ thống sẽ xử lý 3,2 m³/ngày.

Lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất của toàn bộ dự án là 7,4 m³/ngày (ngày vệ sinh chuồng), với quy trình chăn nuôi tại Trang trại, sau khi xả thịt, chuồng nuôi sẽ được vệ sinh luân phiên. Khi đó, một hệ thống sẽ xử lý 4,2 m³/ngày, hệ thống còn lại sẽ xử lý 3,2 m³/ngày

❖ **Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải của trang trại:**



Hình 3.1 Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở

❖ **Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải như sau:**

Bảng 3.2 Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải của trang trại

STT	Hệ thống thu gom	Thông số kỹ thuật (mm)
1	Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại về hố ga	Nước thải từ bể tự hoại dẫn về hố ga bằng bê tông có kích thước 1,5mx1,5m bằng đường ống nhựa PVC 90mm dày 4mm
2	Nước thải từ chuồng trại về hố ga	Nước thải từ dây chuồng được thu gom dẫn về các hố ga bằng mương xây gạch có kích thước 0,2mx0,3m
3	Từ hố ga bê tông về bể thu gom tập trung	Nước thải từ các hố ga bê tông chảy về bể thu gom tập trung có kích thước 1,5m x 2m bằng ống nhựa PVC 200mm dày 4mm
4	Từ bể thu gom tập trung bơm về hệ thống xử lý nước thải	Nước thải từ bể thu gom tập trung bơm về hệ thống xử lý nước thải bằng ống nhựa PVC Ø60 dày 4mm

❖ **Thông số kỹ thuật công trình xả nước thải sau xử lý**

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ
 Địa chỉ: 22 Mai Hắc Đế, phường Gành Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định
 Điện thoại: 0256.3749590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

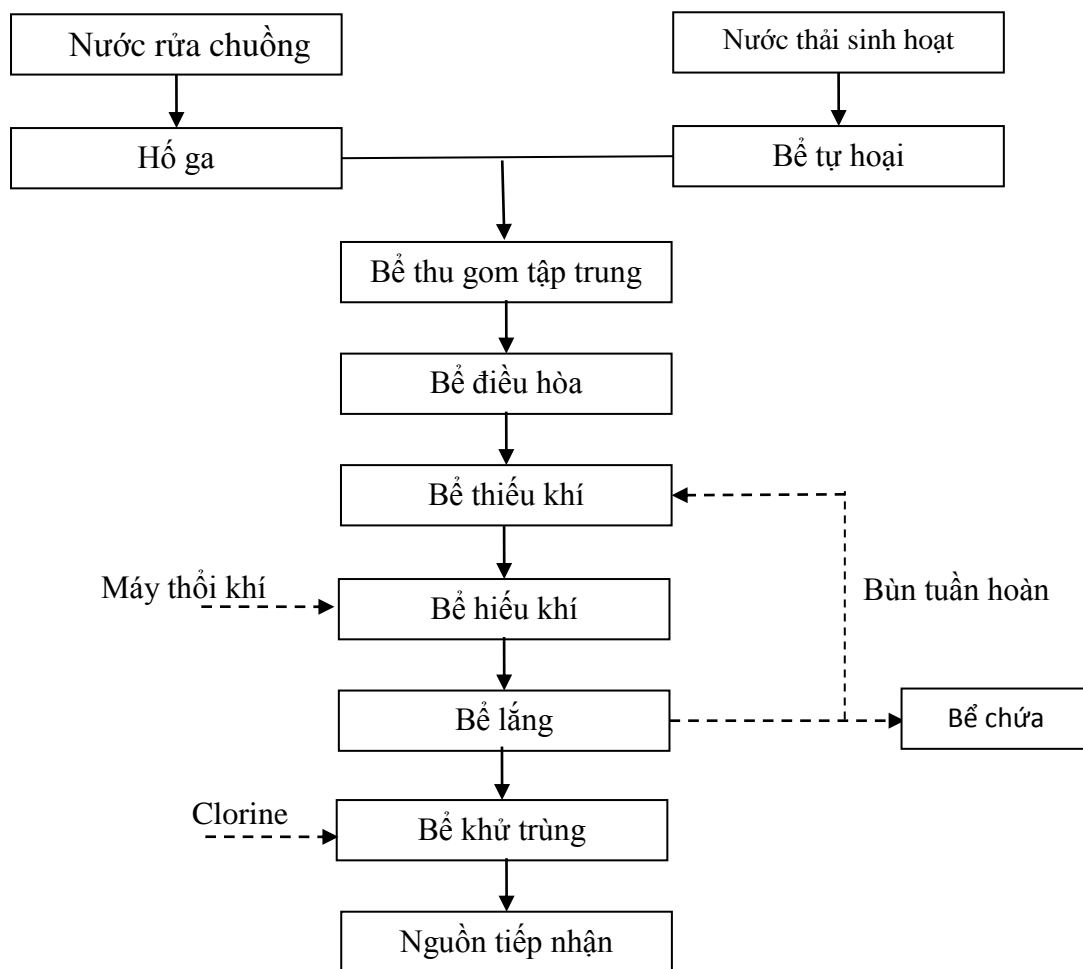
- Kết cấu: mương bê tông hở
- Kích thước: 1,2m x 1,4m
- Chiều dài: tại trạm xử lý nước thải phía Đông là 16m, tại trạm xử lý nước thải phía Tây là 12m.

❖ **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở được thu gom xử lý đạt theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,3$. Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư chịu trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh trong phạm vi dự án.

3.1.3 Xử lý nước thải

- Đơn vị thiết kế, lắp đặt: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ
- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ
- Đơn vị kiểm tra: Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư
- Công trình xử lý nước thải:
 - + Công suất xử lý của một hệ thống: 10 m³/ngày.đêm.
 - + Chất lượng nước thải sau xử lý: đạt cột B theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$.
- Quy trình xử lý nước thải



Hình 3.2 Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi

Thuyết minh:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước rửa chuồng được thu gom về hố thu tập trung, từ đây nước thải được bơm về Hệ thống xử lý nước thải.

Bể điều hòa

Nước thải sinh hoạt từ Hố thu gom được bơm đến thiết bị lọc rác trước khi đi vào bể điều hòa. Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng, nồng độ nước thải trước khi qua bể xử lý sinh học

Bể sinh học thiếu khí – hiếu khí

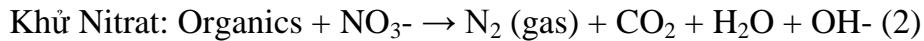
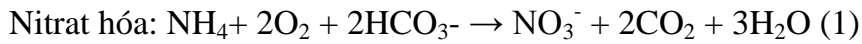
Từ bể điều hòa, nước thải được bơm qua bể sinh học Thiếu khí - Hiếu khí cho quá trình xử lý tiếp theo.

Bể sinh học Thiếu khí - Hiếu khí được thiết kế để khử BOD, COD, Photpho và Nitơ trong nước thải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Các hợp chất hữu cơ trong nước thải (BOD, COD) sẽ được các vi sinh vật hấp thụ để chuyển hóa thành sinh khối mới đồng thời sản sinh ra khí CO₂ sau quá trình chuyển hóa. Trong khi đó, TN được loại bỏ bằng quá trình Nitrat hóa và khử Nitrat theo phương trình phản ứng sinh học sau:



Theo phương trình trên có thể thấy rằng, trong điều kiện hiếu khí các vi sinh vật sẽ chuyển hóa NH₄⁺ thành NO₃⁻ và trong điều kiện thiếu khí NO₃⁻ sẽ được chuyển hóa thành khí N₂.

Tại bể thiếu khí có thiết bị khuấy chìm ở đáy để làm tăng mật độ tiếp xúc của vi sinh và nguồn ô nhiễm do đó tăng hiệu suất xử lý khử Photpho, Nitơ, BOD, COD trong nước thải.

Tại bể sinh học MBBR, máy thổi khí và đĩa phân phối khí được lắp đặt để cung cấp oxy cho các vi sinh vật hiếu khí, đảm bảo nồng độ oxy hoà tan DO > 2 mg/l.

Bể lắng sinh học

Nước thải sau bể sinh học Hiếu khí có lẫn bùn hoạt tính được dẫn sang bể lắng sinh học. Tại đây bùn hoạt tính và nước được phân ly nhờ quá trình lắng trọng lực.

Bùn lắng xuống đáy bể, một phần bùn hoạt tính được bơm tuần hoàn về bể sinh học Thiếu khí để bổ sung lượng vi sinh vật thiếu hụt. Bùn dư được bơm về bể chứa bùn. Phần nước trong phía trên bể lắng được thu về ngăn khử trùng trước khi xả nước thải ra mương thoát nước.

Nước thải sau qua ngăn khử trùng đạt yêu cầu xả thải theo **QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, k_q = 0,9; k_f = 1,3.**

❖ Thông số thiết kế các bể trong HTXLNT

Bảng 3.3 Thông số xử lý các bể trong HTXLNT

STT	HẠNG MỤC	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SL	NHÀ SẢN XUẤT/ ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
I	HẠNG MỤC THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

1	Giỏ lược rác thô	Khe hở: 5mm Vật liệu: inox	Bộ	1	Việt Nam
2	Bơm nước thải	Loại: bơm chìm Công suất: 2m ³ /h, cột áp: 3m Vật liệu: Thép không rỉ +gang Điện năng: 0.40kw	Bộ	2	Taiwan
3	Phao mực nước	Loại: phao cơ	Bộ	1	Việt Nam
4	Bơm bùn	Loại: bơm chìm Công suất: 2m ³ /h, cột áp: 3m Vật liệu: Thép không rỉ +gang Điện năng: 0.40kw	Bộ	1	Taiwan
5	Máy thổi khí	Công suất: 1 m ³ /phút Điện năng: 1.5KW/380Vx3pha, 50Hz	Bộ	1	Taiwan
6	Đĩa phân phối khí	Loại: phân phối khí tinh Đường kính: 260mm Đầu nối ren: 27mm Vật liệu màng: EPDM	Hệ thống	1	Taiwan
7	Đường ống nước thải, bùn, khí, nước sạch	Đường ống nước thải, bùn: uPVC Đường ống khí: Phần đi nổi STK, phần đi ngập trong nước uPVC Bao gồm giá đỡ ống, vật liệu: STK Không bao gồm đường ống dẫn nước sau xử lý ra nguồn tiếp nhận.	Hệ thống	1	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

8	Van & phụ kiện	Van công, van một chiều, van 2 chiều	Hệ thống	1	Việt Nam
9	Điện điều khiển & động lực	Vỏ tủ: thép, sơn tĩnh điện Thiết bị chính: LS Contactor: LS Relay: Omron MCB: LS	Hệ thống	1	Việt Nam + Ngoại nhập
10	Cáp điện: Cadivi Ống cáp điện: PVC (Việt Nam)	Cáp điện động lực, điều khiển cho toàn hệ thống.	Hệ thống	1	Việt Nam
11	Thùng chứa hóa chất	Nhựa: PE Thể tích: 300ml	Thùng	1	Việt Nam
12	Bơm hóa chất	Loại: bơm thể tích Công suất: 30l/h, cột áp: 10m Điện năng: 0.045kw/220v/1ph	Bộ	1	Việt Nam
II HẠNG MỤC BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI					
1	Bể thu gom nước thải	Bể xây gạch, quét chống thấm bên trong Kích thước: D _x R _x C = 1.5mx1.5mx1.5m	Bể	1	Việt Nam
2	Bể xử lý nước thải	Bể xây gạch, quét chống thấm bên trong Kích thước: D _x R _x C = 6.6mx2.4mx2.3m	Cụm Bể	1	Việt Nam
3	Mái che thiết bị	Vật liệu: nền gạch, mái tôn Kích thước: L _x W _x H=2.0x2.0x2.0m	Hệ	1	Việt Nam

❖ **Quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình:**

+ **Chế độ Auto:** điều khiển tự động

Bước 1: Kiểm tra tổng quát tủ điện trước khi vận hành các nút điều khiển bên ngoài và bên trong tủ, dây điện, aptomat, khởi động từ,...

Bước 2: Bật aptomat tủ điện tổng và toàn bộ aptomat trong tủ điều khiển.

Bước 3: Xoay tất cả các nút điều khiển thiết bị bên ngoài tủ điện sang chế độ tự động.

+ **Chế độ Man:** điều khiển bằng tay

Bước 1: Kiểm tra tổng quát tủ điện trước khi vận hành các nút điều khiển bên ngoài và bên trong tủ, dây điện; aptomat, khởi động từ,...

Bước 2: Bật aptomat tủ điện tổng và toàn bộ aptomat trong tủ điều khiển.

Bước 3: Xoay tất cả các nút điều khiển thiết bị bên ngoài tủ điện sang chế độ điều khiển bày tay.

Bước 4: Ấn nút xanh khi bật và màu đỏ khi tắt thiết bị.

+ **Chế độ Off:** tắt

Bước 1: Ngắt toàn bộ các aptomat nhánh các thiết bị.

Bước 2: Ngắt aptomat tổng của tủ điện

Trong quá trình vận hành, khi xảy ra sự cố người vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ thực hiện:

- Với thiết bị có nút chuyển chế độ tự động ta chỉ cần ngắt bỏ chế độ này hoặc ngắt aptomat trong tủ. Với thiết bị không có nút chuyển ra ngắt aptomat thiết bị đó, việc ngắt aptomat bằng cách mở tủ ngắt vị trí tương ứng. Trong quá trình chờ bảo trì thiết bị gặp sự cố thì vẫn cho các thiết bị khác chạy tự động bình thường.

- Nếu không thể vận hành tự động thì người vận hành sẽ vận hành thiết bị bằng tay. Nếu không thể vận hành thiết bị đó bằng tay thì lập tức ngắt aptomat của thiết bị đó chờ bảo trì.

- Định mức tiêu hao năng lượng (điện năng) :2.000 kW/tháng

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:

+ Sử dụng hóa chất khử trùng Chlorine với khối lượng ước tính 200g/200l nước, sử dụng khoảng 10 ngày

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

+ Chất dinh dưỡng: mật rỉ đường bổ sung trong trường hợp hệ vi sinh trong bể xử lý thiếu dinh dưỡng. Bổ sung chất dinh dưỡng đạt tỷ lệ $BOD_5:N:P = 100:5:1$. Với khối lượng ước tính trung bình 1-2 kg/300l nước sạch.

3.2 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Để giảm mùi hôi phát sinh từ quá trình nuôi gà, chủ dự án đã sử dụng công nghệ nuôi hiện đại, khép kín và không làm rơi vãi nước do đó nền chuồng luôn luôn khô ráo và không phát sinh mùi hôi.
- Hệ thống chuồng trại được che chắn bạt xung quanh và được phân ra nhiều dãy chuồng với khoảng cách ly hợp lý giữa các dãy chuồng với nhau, xây dựng tường rào cao hơn 3 m.
- Định kỳ phun khử trùng chuồng trại đảm bảo vệ sinh và phòng chống dịch bệnh cho đàn gà.
- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, công ty sẽ trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, kính đeo mắt, bao tay, ủng).
- Ngoài ra, với diện tích cây xanh được trồng mới cùng với diện tích cây xanh hiện có và cây xanh bên ngoài bao quanh khu vực dự án góp phần hạn chế mùi, bụi và các khí thải trong môi trường không khí tại dự án

3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Đối với rác nguy hại*: CTNH được lưu chứa trong các thùng rác chuyên dụng đặt tại kho chứa chất thải nguy hại. Kho chứa có mái che và nền bê tông. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh để thu gom và xử lý.
- *Đối với rác sinh hoạt*: Được lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy. Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển đô thị Thiên Hương để thu gom và xử lý theo đúng quy định
- *Đối với xác gà chết không do dịch bệnh*: Được tiêu hủy trong hố hủy xác.
- *Đối với bùn thải từ HTXLNT*: được lưu trong bể chứa bùn và hút định kỳ.
- *Đối với phân khô thải ra sau khi xả chuồng*: được thu gom tại chuồng nuôi sau khi xả chuồng và bán cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

3.4. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

❖ Các biện pháp ngăn ngừa và ứng cứu sự cố cháy nổ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

- Hệ thống điện được thiết kế, lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn;
- Công tác phòng chống cháy nổ được đặt lên hàng đầu và được quán triệt đến toàn thể công nhân làm việc tại trang trại. Trang trại đã trang bị đầy đủ các phương tiện PCCC theo quy định. Đồng thời, nghiêm cấm các hoạt động có thể gây cháy nổ trong khu vực, công nhân vi phạm các quy định về PCCC sẽ bị trừ lương, nếu tái phạm có thể sẽ bị cho thôi việc.

❖ Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý chất thải

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử nước thải.
- Kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng của Hệ thống để tránh tình trạng nước thải phát sinh vượt công suất của hệ thống.
- Thường xuyên vệ sinh mương rãnh, đường ống thu gom và thoát nước thải, để không bị tắt nghẽn, ứ đọng.

❖ Phòng ngừa sự cố dịch bệnh

- Thực hiện phương pháp phòng bệnh là chính;
- Xây dựng nội quy ra vào trại để đảm bảo an toàn dịch bệnh;
- Thực hiện chăn nuôi khép kín, tiêm vaccin đầy đủ cho đàn vật nuôi;
- Định kỳ phun thuốc sát trùng;
- Khai thông cống rãnh, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.5 Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh, thay đổi so với Đề án Bảo vệ môi trường đã được phê duyệt

Các thay đổi đối với công trình BVMT so với báo cáo ĐTM đã được duyệt như sau:

Bảng 3.4 Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với ĐTM

Stt	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Hệ thống XLNT	<p>Quy trình xử lý: Nước thải → bể điều hòa → Bồn vi sinh hiếu khí → bồn lắng → bể khử trùng – nguồn tiếp nhận</p> <p>Quy chuẩn xử lý:</p>	<p>Quy trình xử lý: Nước thải → bể thu gom → Bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.</p> <p>Quy chuẩn xử lý:</p>

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

		QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $k_q = 0,9$, $k_f = 1,2$	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,3$
2	Thu gom phân khô sau khi xả chuồng	Thu gom, lưu chứa trong 02 nhà chứa phân (diện tích $50 \text{ m}^2/\text{nàh}$ và phải được chống thấm đảm bảo bằng sàn bê tông, có mái che và mương thu gom nước	Lưu chứa và thu gom tại chuồng nuôi sau khi xả chuồng

CHƯƠNG 4.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải của Cơ sở phát sinh từ 2 nguồn:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
 - + Nguồn số 02: Nước thải rửa chuồng
- Lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất của toàn bộ dự án là 7,4 m³/ngày (ngày vệ sinh chuồng), với quy trình chăn nuôi tại Trang trại, sau khi xả thịt, chuồng nuôi sẽ được vệ sinh luân phiên. Khi đó, một hệ thống sẽ xử lý 4,2 m³/ngày, hệ thống còn lại sẽ xử lý 3,2 m³/ngày.
- Dòng thải:
 - + 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra mương nội đồng phía Đông dự án
 - + 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra suối Cạn phía Tây dự án
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,3$, bao gồm các thông số: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Coliform.
- Vị trí, phương thức xả thải vào nguồn tiếp nhận:

	Khu chăn nuôi phía Đông dự án	Khu chăn nuôi phía Tây dự án
Vị trí xả nước thải	Mương nội đồng tiếp giáp phía Đông dự án	Suối Cạn phía Tây Dự án
Tọa độ xả thải	X: 1523665; Y: 591070	X: 1523857; Y: 590646
Phương thức xả thải	Tự chảy	Tự chảy

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải. (không có)

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung. (không có)

CHƯƠNG 5.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

5.1 Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện

5.1.1 Kết quả đánh giá hiệu quả công trình xử lý nước thải

a. Thông tin về cơ quan thực hiện việc đo đạc, phân tích môi trường

1. Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu

- Tên đơn vị: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu
- Đại diện: Thái Lê Nguyên Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: 40/7 Đông Hưng Thuận 14B, KP.1, P. Đông Hưng Thuận, Q12, Tp HCM

2. Công ty TNHH TM-DV Công nghệ Môi trường Khải Thịnh

- Tên cơ quan: Công ty TNHH TM-DV Công nghệ Môi trường Khải Thịnh
- Đại diện: Huỳnh Châu Quý Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 75 đường TTH15, Tân Thới Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

b. Thông tin về đo đạc và phân tích mẫu

Bảng 5.1 Thông tin quá trình lấy mẫu

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu		Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu
	Khu chăn nuôi phía Đông	Khu chăn nuôi phía Tây			
Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất của hệ thống XLNT	- Bể thu gom tập trung	- Bể thu gom tập trung	15 ngày/lần	Lần 1	Ngày 19/11/2021
	- Bể thiếu khí	- Bể thiếu khí		Lần 2	Ngày 04/12/2021
	- Bể hiếu khí	- Bể hiếu khí		Lần 3	Ngày 20/12/2021
	- Bể lắng	- Bể lắng		Lần 4	Ngày 04/01/2022
	- Bể khử trùng	- Bể khử trùng		Lần 5	Ngày 19/01/2022
Giai đoạn vận hành ổn định của hệ	- Tại hồ thu nước thải đầu vào	- Sau bể khử trùng	01 ngày/lần (trong 07 ngày liên)	Lần 1	Ngày 16/02/2022
	- Sau bể khử trùng			Lần 2	Ngày 17/02/2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

thống XLNT		tiếp)	Lần 3	Ngày 18/02/2022
			Lần 4	Ngày 19/02/2022
			Lần 5	Ngày 20/02/2022
			Lần 6	Ngày 21/02/2022
			Lần 7	Ngày 22/02/2022

❖ Phương pháp lấy mẫu và phân tích mẫu:

- Phương pháp lấy mẫu và phân tích mẫu: thể hiện trong phiếu kết quả đính kèm
- Thiết bị lấy mẫu tại hiện trường: chai nhựa 1,5lit, gàu lấy mẫu
- Thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm:

Bảng 5.2 Thiết bị phân tích mẫu phòng thí nghiệm

STT	Tên thiết bị	Model thiết bị	Hãng sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/ Thời gian hiệu chuẩn
1	Tủ cấy vi sinh	CLASS II	ESCO	1 lần/năm
2	Nồi hấp tiệt trùng	CLG-40M	ALP	1 lần/năm
3	Máy nước cất 2 lần	WSC/4D	Hamiton	1 lần/năm
4	Tủ ấm vi sinh	UBN 500	Memmer	1 lần/năm
5	Tủ sấy		Memmer	1 lần/năm
6	Bộ lọc chân không	400-3901	Cole-parmer	1 lần/năm
7	Bếp phá mẫu COD		Chemetrics-Mỹ	1 lần/năm
8	Cân phân tích	PA214C	Ohaus-Mỹ	1 lần/năm
9	Tủ lạnh	GR-WG58VDAZ	TOSHIBA	1 lần/năm
10	Buret chuẩn độ	-	Schott – Đức	-
11	Máy chưng cất đậm	UDK 142	Velp-Ý	1 lần/năm
12	Máy phá mẫu	DK Series	Velp-Ý	1 lần/năm
13	Máy so màu quang	V-730	Jasco	1 lần/năm

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

Địa chỉ: 22 Mai Hắc Đế, phường Gành Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 0256.3749590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

STT	Tên thiết bị	Model thiết bị	Hãng sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/ Thời gian hiệu chuẩn
	phổ			
14	Bộ đo BOD	BOD System 6	Welp	1 lần/năm

5.1.2 Kết quả quan trắc nước thải

a. Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn xử lý của hệ thống XLN

a.1.Đánh giá từng công đoạn

➤ Đánh giá hiệu suất xử lý của bể điều hòa

Bảng 5.3 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể điều hòa

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm chính tại bể điều hòa							
		BOD ₅		COD		Tổng N		TSS	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA ĐÔNG DỰ ÁN									
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	162	94	285	132	28,6	29,4	107	36
Hiệu suất xử lý	%	41,9		53,6		↑ 2,8		66	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	153	87,2	211	101,3	29,5	24,5	96	34
Hiệu suất xử lý	%	43		52		16,9		64	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	169	98	290	174	33,7	27,5	139	40
Hiệu suất xử lý	%	42		40		18,4		71	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	164	96	278	153	60,4	25,7	125	40
Hiệu suất xử lý	%	41,5		44,9		57,5		68	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	151	83	271	157	31,2	27,2	115	35

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

Địa chỉ: 22 Mai Hắc Đế, phường Gành Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 0256.3749590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Hiệu suất xử lý	%	45		42		12,8		69	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA TÂY DỰ ÁN									
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	235	115	390	151	41,7	30,9	127	41
Hiệu suất xử lý	%	51,1		61,3		25,9		67,7	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	211	103,4	280	114,8	37,3	26,9	146	50,8
Hiệu suất xử lý	%	51		59		27,9		65	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	249	137	480	192	44,2	34,5	144	46
Hiệu suất xử lý	%	45		60		21,9		68	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	242	127	367	175	39,4	68,9	135	50
Hiệu suất xử lý	%	47,5		52,3		↑ 74,9		63	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	236	121	280	107	42,8	32,7	147	54
Hiệu suất xử lý	%	48,7		61,8		23,6		63	

Nhận xét:

Hiệu suất xử lý trong 5 lần quan trắc ở bể điều hòa:

- Tại HTXLNT phía Đông dự án: BOD₅ hiệu suất cao nhất 45%; COD hiệu suất cao nhất 53,6%; Tổng N hiệu suất cao nhất 57,5%.

- Tại HTXLNT phía Tây dự án: BOD₅ hiệu suất cao nhất 51%; COD hiệu suất cao nhất 61,8%; Tổng N hiệu suất cao nhất 27,9%.

➤ **Đánh giá hiệu suất xử lý của bể thiếu khí**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Bảng 5.4 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể thiếu khí

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm chính tại bể thiếu khí					
		BOD ₅		COD		Tổng N	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA ĐÔNG DỰ ÁN							
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	94	35	132	63	29,4	28,3
Hiệu xuất xử lý	%	62,8		52,3		3,7	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	87,2	34	101,3	49,6	24,5	23,4
Hiệu xuất xử lý	%	61		51		4,5	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	98	39	174	65,7	27,5	26,1
Hiệu xuất xử lý	%	60,2		62,2		5,1	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	96	57	153	72	25,7	24,6
Hiệu xuất xử lý	%	40,6		52,9		4,3	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	83	54	157	75	27,2	26
Hiệu xuất xử lý	%	34,9		52,2		4,4	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA TÂY DỰ ÁN							
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	115	39	151	72	30,9	24,2
Hiệu xuất xử lý	%	66,1		52,3		21,7	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	103,4	33,1	114,8	50,5	26,9	20,4
Hiệu xuất xử lý	%	68		56		24,2	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	137	48	192	70	34,5	28,1
Hiệu xuất xử lý	%	65		63,5		18,6	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	127	42	175	78	68,9	23,2
Hiệu xuất xử lý	%	67		55,4		66,3	

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

Địa chỉ: 22 Mai Hắc Đế, phường Gành Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 0256.3749590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	121	59	107	75	32,7	25,2
Hiệu xuất xử lý	%	51,2		30		22,9	

Nhận xét:

Hiệu suất xử lý trong 5 lần quan trắc ở bể thiếu khí:

- Tại HTXLNT phía Đông dự án: BOD₅ hiệu suất cao nhất 62,8%; COD hiệu suất cao nhất 62,2%; Tổng N hiệu suất cao nhất 5,1%.

- Tại HTXLNT phía Tây dự án: BOD₅ hiệu suất cao nhất 68%; COD hiệu suất cao nhất 63,5%; Tổng N hiệu suất cao nhất 66,3%.

➤ **Đánh giá hiệu suất xử lý của bể hiếu khí**

Bảng 5.5 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể hiếu khí

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm chính tại bể hiếu khí					
		BOD ₅		COD		Tổng N	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA ĐÔNG DỰ ÁN							
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	35	16	63	35	28,3	24,7
Hiệu xuất xử lý	%	54,3		44,4		12,7	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	34	17,3	49,6	28,3	23,4	22,9
Hiệu xuất xử lý	%	49,1		43		2,1	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	39	18	65,7	43	26,1	23,4
Hiệu xuất xử lý	%	53,8		34,5		10,3	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	57	38	72	67	24,6	22,6
Hiệu xuất xử lý	%	33,3		6,9		8,1	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	54	35	75	60	26	21
Hiệu xuất xử lý	%	35		20		19,2	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA TÂY DỰ ÁN							
Đợt 1	mg/l	39	22	72	40	24,2	19,8

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(19/11/2021)							
Hiệu suất xử lý	%	43,6		44,4		18,2	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	33,1	18,9	50,5	29,3	20,4	17,6
Hiệu suất xử lý	%	42,9		42		13,7	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	48	29	70	46	28,1	20,1
Hiệu suất xử lý	%	39,6		34,3		28,5	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	42	25	78	45	23,2	17,7
Hiệu suất xử lý	%	40,5		42,3		23,7	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	59	42	75	67	25,2	19,4
Hiệu suất xử lý	%	28,8		10,6		23	

Nhận xét:

Hiệu suất xử lý trong 5 lần quan trắc ở bể hiếu khí:

- Tại HTXLNT phía Đông dự án: BOD₅ hiệu suất cao nhất 54,3%; COD hiệu suất cao nhất 44,4%; Tổng N hiệu suất cao nhất 19,2%.

- Tại HTXLNT phía Tây dự án: BOD₅ hiệu suất cao nhất 43,6%; COD hiệu suất cao nhất 44,4%; Tổng N hiệu suất cao nhất 28,5%.

➤ **Đánh giá hiệu suất xử lý của bể lắng**

Bảng 5.6 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể lắng

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm chính tại công bể lắng	
		TSS	
		Trước xử lý	Sau xử lý
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA ĐÔNG DỰ ÁN			
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	36	19
Hiệu suất xử lý	%	47	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	34	21
Hiệu suất xử lý	%	38	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	40	22
Hiệu suất xử lý	%	45	
Đợt 4	mg/l	40	23

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

Địa chỉ: 22 Mai Hắc Đế, phường Gành Ráng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 0256.3749590

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(04/01/2022)			
Hiệu suất xử lý	%	42	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	35	23
Hiệu suất xử lý	%	34	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA TÂY DỰ ÁN			
Đợt 1 (19/11/2021)	mg/l	41	17
Hiệu suất xử lý	%	59	
Đợt 2 (04/12/2021)	mg/l	50,8	21,6
Hiệu suất xử lý	%	57	
Đợt 3 (20/12/2021)	mg/l	46	18
Hiệu suất xử lý	%	61	
Đợt 4 (04/01/2022)	mg/l	50	24
Hiệu suất xử lý	%	52	
Đợt 5 (19/01/2022)	mg/l	54	26
Hiệu suất xử lý	%	52	

Nhận xét:

Hiệu suất xử lý trong 5 lần quan trắc ở bể lắng:

- Tại HTXLNT phía Đông dự án hiệu suất cao nhất 47%
- Tại HTXLNT phía Tây dự án hiệu suất cao nhất 61%.

➤ **Đánh giá hiệu suất xử lý của bể khử trùng**

Bảng 5.7 Đánh giá hiệu quả xử lý của bể khử trùng

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Đơn vị tính	Thông số ô nhiễm chính tại công bể lắng	
		Coliform	
		Trước xử lý	Sau xử lý
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA ĐÔNG DỰ ÁN			
Đợt 1 (19/11/2021)	MPN/100ml	1.100.000	110
Hiệu suất xử lý	%		
Đợt 2 (04/12/2021)	MPN/100ml	460.00	KPH
Hiệu suất xử lý	%		
Đợt 3	MPN/100ml	1.700.000	2.300

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(20/12/2021)			
Hiệu xuất xử lý	%		
Đợt 4 (04/01/2022)	MPN/100ml	700.000	2.400
Hiệu xuất xử lý	%		
Đợt 5 (19/01/2022)	MPN/100ml	800.000	KPH
Hiệu xuất xử lý	%		
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHÍA TÂY DỰ ÁN			
Đợt 1 (19/11/2021)	MPN/100ml	940.000	94
Hiệu xuất xử lý	%		
Đợt 2 (04/12/2021)	MPN/100ml	170.000	KPH
Hiệu xuất xử lý	%		
Đợt 3 (20/12/2021)	MPN/100ml	270.000	1.700
Hiệu xuất xử lý	%		
Đợt 4 (04/01/2022)	MPN/100ml	310.000	1.700
Hiệu xuất xử lý	%		
Đợt 5 (19/01/2022)	MPN/100ml	170.000	KPH
Hiệu xuất xử lý	%		

Nhận xét:

Hiệu suất xử lý trong 5 lần quan trắc ở bể khử trùng tại 02 Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở đạt 100%.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

a.2. Giai đoạn vận hành ổn định

HTXLNT phía Tây dự án

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Thông số môi trường											
	pH		TSS (mg/l)		BOD ₅ (mg/l)		COD (mg/l)		Tổng N (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL
Lần 1	7,71	7,24	130	18,2	220	22	380	40	43,2	19,6	920.000	110
Lần 2	-	7,28	-	17,5	-	19	-	35	-	17,9	-	130
Lần 3	-	7,43	-	18,1	-	20	-	40	-	16,5	-	94
Lần 4	-	7,29	-	24,2	-	18	-	30	-	12,9	-	140
Lần 5	-	7,27	-	21	-	16	-	25	-	13,7	-	110
Lần 6	-	7,43	-	19,8	-	24	-	35	-	16,8	-	130
Lần 7	-	7,18	-	21,6	-	15	-	25	-	15,7	-	140
QCVN 62-MT:2016/BTNM, cột B, k_q = 0,9; k_f = 1,3	5,5 - 9		175,5		117		351		175,5		5.000	

Nhận xét: Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Hệ thống XLNT của trang trại vận hành ổn định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: thôn Bình An 2, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

HTXLNT phía Đông dự án

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Thông số môi trường											
	pH		TSS (mg/l)		BOD ₅ (mg/l)		COD (mg/l)		Tổng N (mg/l)		Coliform (MPN/100ml)	
	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL	Trước XL	Sau XL
Lần 1	7,25	7,32	120	21,3	183	32	320	60	34,7	17,4	790.000	70
Lần 2	-	7,53	-	26,2	-	28	-	60	-	16,5	-	210
Lần 3	-	7,34	-	30,3	-	31	-	65	-	20,5	-	140
Lần 4	-	7,11	-	22,4	-	23	-	40	-	21,3	-	110
Lần 5	-	7,22	-	25,2	-	14	-	30	-	19,6	-	94
Lần 6	-	7,15	-	23,6	-	18	-	35	-	21,3	-	130
Lần 7	-	7,52	-	26,1	-	28	-	50	-	17,7	-	130
QCVN 62-MT:2016/BTNM, cột B, k_q = 0,9; k_f = 1,3	5,5 - 9		175,5		117		351		175,5		5.000	

Nhận xét: Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Hệ thống XLNT của trang trại vận hành ổn định

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: Khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, TX. An Nhơn, Bình Định

5.2 Chương trình quan trắc chất thải

5.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

	Khu chăn nuôi phía Đông dự án	Khu chăn nuôi phía Tây dự án
Vị trí quan trắc	- 01 điểm tại hố thu gom nước thải đầu vào - 01 điểm tại đầu ra của HTXLNT	- 01 điểm tại hố thu gom nước thải đầu vào - 01 điểm tại đầu ra của HTXLNT
Chỉ tiêu giám sát	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Tổng N, Coliform	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Tổng N, Coliform
Tần suất giám sát	03 tháng/lần	03 tháng/lần
Tiêu chuẩn so sánh	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B K _q = 0,9; K _f = 1,3	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B K _q = 0,9; K _f = 1,3

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

5.2.2 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Hằng năm, Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư sẽ trích khoản kinh phí thực hiện bảo dưỡng, duy trì hoạt động hệ thống xử lý nước thải và quan trắc chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý nước thải trong khi thải ra môi trường. Kinh phí dự kiến như sau:

Bảng 5.8 Dự kiến kinh phí quan trắc nước thải hàng năm

TT	Công việc	Thành tiền
1	Chi phí quan trắc chất lượng nước thải (3 tháng/lần)	40.000.000
2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 năm/lần)	10.000.000
	TỔNG CỘNG	50.000.000

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: Khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, TX. An Nhơn, Bình Định

CHƯƠNG 6.

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư cam kết về các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất và mở rộng cơ sở chăn nuôi, sản xuất giống gia cầm Minh Dư từ 8.000 con/lần nuôi lên 416.000 con/lần nuôi”

Địa chỉ: Khu chăn nuôi tập trung Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, TX. An Nhơn, Bình Định

PHỤ LỤC 1:

- Bản sao giấy đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy tờ đất đai thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình xử lý nước thải;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu quan trắc môi trường;
- Bản sao báo cáo đánh tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;